

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2024

Số: 565/QĐ-CĐCĐ-TCHC

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu nhân sự  
của Khoa Cơ khí

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-BLĐTBXH ngày 06/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Hà Nội, Trường Cao đẳng Cơ điện và Công nghệ thực phẩm Hà Nội vào Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3169/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/9/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Vị trí, chức năng

Khoa Cơ khí là khoa chuyên môn thuộc Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội. Khoa Cơ khí (sau đây gọi tắt là khoa) có chức năng giảng dạy chuyên môn các ngành/ngành Hàn, Cắt gọt kim loại, Lắp đặt thiết bị cơ khí, Cấp thoát nước thuộc khoa quản lý và các môn học, mô-đun cơ sở ngành của các ngành/ngành kỹ thuật khác thuộc lĩnh vực chuyên ngành theo quy định.

### Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quản lý cán bộ, nhà giáo, người lao động, người học và tài sản thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

2. Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm: Xây dựng chương trình

đào tạo; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, học liệu của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo và hình thức đào tạo thuộc khoa quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao. Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo. Tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành, nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa.

4. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; ngành, nghề đào tạo và cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường 28 điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo.

5. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động và người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động thuộc khoa.

6. Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường.

7. Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của Hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của khoa.

8. Tham mưu cho Lãnh đạo trường các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn phụ trách.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Giám hiệu giao.

### **Điều 3. Cơ cấu nhân sự**

Biên chế, số lượng người làm việc của đơn vị do Hiệu trưởng bố trí trong tổng số biên chế, số lượng người làm việc được giao theo quy định và theo yêu cầu nhiệm vụ đơn vị (có danh sách kèm theo).





1. Đối với viên chức quản lý: Viên chức quản lý của khoa gồm có Trưởng khoa và các Phó trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định:

a) Trưởng khoa điều hành toàn bộ hoạt động của khoa, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội và trước pháp luật về các hoạt động của khoa; Tham mưu, xây dựng kế hoạch, phương án hoạt động, phương án tổ chức, quản lý; các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện;

b) Phó trưởng khoa giúp Trưởng khoa theo dõi, chỉ đạo thực hiện một số mặt công tác theo phân công, ủy quyền của Trưởng khoa và chịu trách nhiệm trước Trưởng khoa, trước Hiệu trưởng, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công, phụ trách hoặc ủy quyền.

## 2. Đối với viên chức và người lao động

Chịu trách nhiệm trước Trưởng khoa, các Phó trưởng khoa, trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về ý kiến đề xuất, tiến độ, chất lượng, hiệu quả của từng công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

### **Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2024 và thay thế các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

### **Điều 5. Trách nhiệm và thi hành**

Trưởng phòng Tổ chức, Hành chính; Trưởng khoa Cơ khí; Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, TCHC.



**Đông Văn Ngọc**



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN HÀ NỘI

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC KHOA CƠ KHÍ

(Kèm theo Quyết định số 565/QĐ-CĐCD-TCHC ngày 26 tháng 9 năm 2024 của  
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội



TT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh		Chức vụ/chức danh nghề nghiệp	Mã ngạch	Ghi chú
		Nam	Nữ			
I	VIÊN CHỨC					
1	Đặng Đình Hiếu	11/3/1984		Phó Trưởng khoa- Phụ trách- GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
2	Đỗ Quang Khải	02/6/1966		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
3	Lưu Văn Tuấn	02/9/1981		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
4	Nguyễn Văn Huân	10/6/1967		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
5	Nguyễn Trọng Diệu	07/11/1970		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
6	Tạ Văn Sơn	22/2/1977		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
7	Đỗ Trọng Đại	02/02/1976		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
8	Ngô Văn Chuyển	10/4/1985		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
9	Lê Hoài Sơn	16/02/1990		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
10	Nguyễn Ngọc Hương	27/01/1989		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
11	Nguyễn Việt Thanh	11/8/1986		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
12	Lê Trọng Tuấn	07/3/1978		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
13	Dương Chu Đức	05/6/1993		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
14	Đặng Tú Anh	19/12/1992		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
15	Nguyễn Khắc Phúc	30/9/1974		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
16	Nguyễn Thị Minh Vân		03/5/1981	GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
17	Nguyễn Thành Kiên	04/4/1980		GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	
18	Phan Thị Bích Liên		01/12/1984	GVGDNNLT (hạng III)	V.09.02.03	



TT	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh		Chức vụ/chức danh nghề nghiệp	Mã ngạch	Ghi chú
		Nam	Nữ			
19	Nguyễn Văn Hải	20/7/1987		GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.03	
20	Nguyễn Thị Thanh Huyền		18/10/1984	GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.03	
21	Phạm Tiến Hưng	27/10/1979		GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.03	
22	Nguyễn Văn Tâm	05/4/1978		GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.03	
23	Nguyễn Văn Hùng	20/6/1964		GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.03	
<b>II</b>	<b>HĐLĐ THEO NĐ 111/2022</b>					
24	Nguyễn Đức Huy	11/4/1997		GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.04	
25	Phạm Quang Minh	16/11/1999		GVGDNLT (hạng III)	V.09.02.04	

